UBND XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG
TRƯỜNG TH VÀ THCS TÂN PHÚ ĐÔNG
Số: 33/KH-TH&THCSTPĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Tân Phú Đông, ngày 02 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai khung năng lực số cho học sinh kể từ năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học;

Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 195/KH-SGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp về triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Trường TH và THCS Tân Phú Đông xây dựng khung năng lực số cho học sinh từ năm học 2026-2027 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

Nhằm hình thành khả năng sử dụng công nghệ số trong học tập và đời sống một cách an toàn, có trách nhiệm; phát triển năng lực tìm kiếm, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, giải quyết vấn đề và ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp lứa tuổi.

II. Nguyên tắc tổ chức thực hiện

1. Môn Tin học giữ vai trò chủ đạo, cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng số cốt lõi. Giáo viên Tin học tư vấn, hỗ trợ giáo viên khác lựa chọn công cụ và xác định nội dung tích hợp. Các môn học, hoạt động giáo dục cùng tạo cơ hội vận dụng; mỗi giáo viên chịu trách nhiệm nội dung và đánh giá hoạt động do mình tổ chức.

2. Không thay đổi số tiết, không thay thế hoặc làm giảm yêu cầu cần đạt cốt lõi của Chương trình GDPT 2018. Không hình thành môn học bắt buộc mới từ khung này. Tích hợp vào nhiệm vụ học tập đã có, lựa chọn đúng nội dung và thời điểm; không yêu cầu bài học nào cũng dùng thiết bị số.

3. Lớp 1, 2 thực hiện hoạt động làm quen, thao tác có hướng dẫn và giáo dục công dân số trong môn học, hoạt động phù hợp; không bố trí môn Tin học bắt buộc riêng. Lớp 3 đến lớp 9 học môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018, đồng thời vận dụng trong các môn học khác.

4. Bảo đảm mọi học sinh có cơ hội tiếp cận, ưu tiên học sinh khó khăn, khuyết tật, thiếu thiết bị, thiếu kết nối. Không bắt buộc mua thiết bị, phần mềm hoặc tài khoản trả phí; không lấy khả năng học trực tuyến tại nhà làm điều kiện đánh giá.

5. Khung gồm 6 miền và 24 năng lực thành phần. Bảng được dùng để lập kế hoạch, tổ chức hoạt động và theo dõi tiến bộ.

III. Mức độ cần hướng tới và chỉ tiêu thực hiện

1. Mức độ cần hướng tới

Nhóm lớp	Mức độ theo phụ lục Kế hoạch 195	Đặc trưng nhiệm vụ và tự chủ
Lớp 1–3	Cơ bản 1	Nhiệm vụ đơn giản, thực hiện với sự hướng dẫn.
Lớp 4–5	Cơ bản 2	Nhiệm vụ đơn giản; tự chủ và có hướng dẫn khi cần thiết.
Lớp 6–7	Trung cấp 1	Nhiệm vụ rõ ràng, thường xuyên, vấn đề đơn giản; tự chủ hoàn toàn trong nhiệm vụ phù hợp.
Lớp 8–9	Trung cấp 2	Nhiệm vụ rõ ràng, không thường xuyên; độc lập, theo nhu cầu cá nhân.

2. Chỉ tiêu triển khai tại trường

100% cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh được tuyên truyền để hiểu tầm quan trọng của năng lực số;

100% giáo viên Tin học và ít nhất 80% giáo viên môn khác được bồi dưỡng;

100% học sinh lớp 3–9 được học môn Tin học theo chương trình;

Phấn đấu ít nhất 80% môn học, hoạt động giáo dục có nội dung tích hợp phù hợp;

100% học sinh đạt mức năng lực số theo quy định sau mỗi năm học.

IV. Khung năng lực số

Miền 1: Khai thác dữ liệu và thông tin

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
1.1. Duyệt tìm kiếm và lọc dữ liệu thông tin và nội dung số	Nêu điều muốn biết; chọn từ khóa, mở kết quả đơn giản do giáo viên hướng dẫn.	Tự chọn từ khóa đơn giản, tìm và mở nội dung phù hợp; hỏi khi gặp kết quả khó hiểu.	Giải thích nhu cầu, thực hiện tìm kiếm theo quy trình; điều chỉnh từ khóa cho nhiệm vụ quen thuộc.	Tổ chức tìm kiếm theo nhu cầu của nhiệm vụ mới; chọn, điều chỉnh cách tìm và giải thích lựa chọn.
1.2. Đánh giá dữ liệu thông tin và nội dung số	Nhận biết nguồn quen thuộc; hỏi người lớn trước khi tin nội dung lạ.	Nhận biết thông tin đáng tin từ nguồn được giới thiệu; kiểm tra người cung cấp và nội dung cơ bản.	So sánh các nguồn đã xác định rõ; phân tích độ chính xác, tin cậy của thông tin cho nhiệm vụ.	Đối chiếu nhiều nguồn, diễn giải dữ liệu; giải thích căn cứ chấp nhận hoặc loại bỏ thông tin.
1.3. Quản lý dữ liệu thông tin và nội dung số	Nhận biết nơi lưu, chọn mở tệp; lưu sản phẩm vào vị trí được hướng dẫn.	Đặt tên, lưu và tìm lại tệp trong thư mục đơn giản; sắp xếp theo yêu cầu.	Lựa chọn, lưu trữ và truy xuất dữ liệu thường dùng; sắp xếp theo cấu trúc rõ ràng.	Tổ chức thư mục và dữ liệu của nhiệm vụ hoặc dự án để lưu, truy xuất thuận tiện.

Miền 2: Giao tiếp và hợp tác

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
2.1. Tương tác thông qua công nghệ số	Nhận biết kênh tương tác đơn giản; trao đổi theo hướng dẫn, đúng người nhận.	Chọn kênh đơn giản phù hợp; gửi câu hỏi hoặc phản hồi lịch sự khi được phép.	Tự tương tác qua kênh học tập quen thuộc; giải thích cách chọn kênh phù hợp bối cảnh.	Lựa chọn giữa các công cụ để tương tác theo nhu cầu, đối tượng và nhiệm vụ cụ thể.
2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số	Nhận biết cách chia sẻ sản phẩm và ghi nguồn đơn giản theo mẫu.	Chia sẻ tệp đúng nhóm, người nhận; ghi tên nguồn dưới sự hỗ trợ khi cần.	Chọn cách chia sẻ dữ liệu phù hợp; giải thích vai trò chuyển tiếp và thực hiện ghi nguồn.	Chia sẻ có lựa chọn, giải thích vai trò trung gian; áp dụng tham chiếu, ghi nguồn phù hợp.
2.3.Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân	Nhận biết dịch vụ, thông tin số có ích qua ví dụ; làm việc tốt trong môi trường lớp.	Nhận biết dịch vụ số đơn giản, công nghệ hỗ trợ cộng đồng; lựa chọn hoạt động phù hợp tuổi.	Lựa chọn dịch vụ số phổ biến, nguồn chính thức để tham gia hoạt động học tập và cộng đồng phù hợp tuổi.	Lựa chọn dịch vụ phù hợp; thảo luận cách dùng công nghệ để tham gia, đóng góp có trách nhiệm.
2.4. Hợp tác thông quả công nghệ số	Chọn công cụ đơn giản theo hướng dẫn; cùng bạn tạo một phần sản phẩm.	Chọn công cụ đơn giản để cộng tác; chia việc, luân phiên thao tác và hoàn thành phần việc.	Lựa chọn công cụ quen thuộc, phối hợp theo phân công để xây dựng sản phẩm chung.	Lựa chọn công cụ theo nhu cầu hợp tác; phối hợp tạo, chỉnh sửa, thống nhất sản phẩm.
2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng	Phân biệt lời nói lịch sự, không phù hợp; thực hiện quy tắc lớp khi tương tác số.	Chọn cách giao tiếp tôn trọng, phù hợp người nhận; nhận biết khác biệt và không trêu chọc.	Giải thích chuẩn mực, cách giao tiếp trong bối cảnh quen thuộc; tôn trọng khác biệt văn hóa, thế hệ.	Thảo luận, lựa chọn cách ứng xử trong tình huống mới; cân nhắc đối tượng, văn hóa, thế hệ.

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
2.6. Quản lý danh tính số	Nhận biết tên hiển thị, dữ liệu bản thân; biết điều không nên công khai theo hướng dẫn.	Nhận biết tài khoản, thông tin do mình tạo; nêu cách giữ gìn danh tiếng và bảo vệ thông tin.	Phân biệt danh tính số trong môi trường quen thuộc; giải thích cách bảo vệ danh tiếng và dữ liệu tạo ra.	Thảo luận cách quản lý danh tính, dữ liệu đã tạo; lựa chọn biện pháp bảo vệ danh tiếng trong tình huống cụ thể.

Miền 3: Sáng tạo nội dung số

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
3.1. Phát triển nội dung số	Chọn cách tạo hình, chữ hoặc âm thanh đơn giản với sự hướng dẫn.	Tạo, chỉnh sửa nội dung đơn giản bằng công cụ phù hợp để thể hiện ý tưởng.	Tạo nội dung bằng định dạng phổ biến phục vụ nhiệm vụ học tập, thể hiện ý tưởng rõ ràng.	Lựa chọn và tạo nội dung ở các định dạng phù hợp nhu cầu, đối tượng và mục đích.
3.2. Tích hợp và tạo lập lại nội dung số	Chọn, sắp xếp lại chữ, hình có sẵn để tạo nội dung mới theo mẫu hướng dẫn.	Kết hợp, sửa nội dung đơn giản từ tài nguyên được phép dùng để thể hiện ý tưởng mới.	Giải thích cách sửa, kết hợp nội dung đã xác định rõ; thực hiện theo nhiệm vụ quen thuộc.	Thảo luận và lựa chọn cách kết hợp, cải thiện nội dung để tạo sản phẩm phù hợp nhiệm vụ mới.
3.3. Thực thi bản quyền và giấy phép	Nhận biết sản phẩm có tác giả; biết hỏi trước khi sử dụng theo hướng dẫn.	Nhận biết quy tắc bản quyền đơn giản; ghi nguồn, sử dụng tài nguyên được phép.	Chỉ ra quy tắc bản quyền, giấy phép thông dụng áp dụng cho sản phẩm học tập.	Thảo luận điều kiện sử dụng nội dung; giải thích lựa chọn tài nguyên và thực hiện ghi nguồn.
3.4. Lập trình	Liệt kê, sắp xếp chỉ dẫn đơn giản; thực hiện qua trò chơi hoặc thao tác có hướng dẫn.	Liệt kê chỉ dẫn đơn giản cho nhiệm vụ; thử thứ tự thực hiện bằng công cụ phù hợp chương trình.	Liệt kê chuỗi chỉ dẫn rõ ràng cho hệ thống máy tính giải quyết nhiệm vụ quen thuộc.	Xây dựng, trình bày chuỗi chỉ dẫn cho vấn đề hoặc nhiệm vụ cụ thể; thực hành theo nội dung môn Tin học.

Miền 4: An toàn

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
4.1. Bảo vệ thiết bị	Nhận biết cách giữ thiết bị; tránh bấm liên kết lạ, báo người lớn khi gặp cảnh báo.	Nhận biết rủi ro đơn giản; tuân thủ bảo quản thiết bị, đăng xuất và biện pháp bảo mật cơ bản.	Giải thích rủi ro thông thường, cách bảo vệ thiết bị và nội dung; chọn biện pháp an toàn phù hợp.	Phân biệt rủi ro của tình huống cụ thể; lựa chọn cách bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư.
4.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư	Nhận biết thông tin riêng; không gửi mật khẩu, hình ảnh, địa chỉ khi chưa được người lớn hướng dẫn.	Chọn cách bảo vệ, chia sẻ thông tin an toàn; nhận biết thông báo đơn giản về sử dụng dữ liệu.	Giải thích cách bảo vệ, chia sẻ thông tin; chỉ ra nội dung cơ bản của thông báo quyền riêng tư.	Thảo luận cách chia sẻ an toàn; chỉ ra dữ liệu bị thu thập và điều khoản riêng tư cần lưu ý.
4.3. Bảo vệ sức khỏe và an sinh số	Biết ngồi đúng, nghỉ mắt, báo người lớn khi thấy sợ hoặc bị trêu chọc trên mạng.	Chọn thói quen sử dụng lành mạnh; nhận diện nguy cơ, tìm trợ giúp và không tham gia bắt nạt.	Giải thích nguy cơ thể chất, tinh thần; lựa chọn cách bảo vệ bản thân và nhận biết công nghệ hỗ trợ cộng đồng.	Giải thích, lựa chọn cách bảo vệ bản thân, người khác; thảo luận công nghệ hỗ trợ sức khỏe, hòa hợp xã hội.
4.4. Bảo vệ môi trường	Nhận biết dùng điện, giấy, thiết bị có tác động môi trường; tắt thiết bị theo hướng dẫn.	Nhận biết tác động môi trường; sử dụng tiết kiệm, không vứt pin, thiết bị điện tử bừa bãi.	Chỉ ra tác động phổ biến của công nghệ số đến môi trường và thực hành tiết kiệm.	Thảo luận, đề xuất cách giảm tác động của công nghệ số, xử lý rác điện tử phù hợp.

Miền 5: Giải quyết vấn đề

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
5.1. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật	Nhận ra lỗi đơn giản; mô tả và tìm người hỗ trợ, thực hiện cách xử lý được hướng dẫn.	Nhận biết sự cố đơn giản; lựa chọn cách xử lý an toàn, hỏi trợ giúp khi vượt khả năng.	Chỉ ra lỗi quen thuộc, rõ ràng; lựa chọn cách xử lý thông thường trong phạm vi cho phép.	Phân biệt nguyên nhân có thể của sự cố, lựa chọn cách xử lý và tìm hỗ trợ khi cần.
5.2. Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ	Nêu nhu cầu đơn giản; nhận ra công cụ phù hợp, chọn điều chỉnh cơ bản theo hướng dẫn.	Chọn công cụ đáp ứng nhu cầu; điều chỉnh cỡ chữ, âm lượng hoặc cách hiển thị khi cần.	Xác định nhu cầu thường gặp; chọn công cụ, giải pháp và điều chỉnh môi trường số phù hợp.	Giải thích nhu cầu cá nhân; lựa chọn công cụ, giải pháp và tùy chỉnh cho nhiệm vụ cụ thể.
5.3. Sử dụng sáng tạo công nghệ số	Nhận ra công cụ giúp tạo sản phẩm; cùng bạn thực hiện nhiệm vụ đơn giản theo hướng dẫn.	Chọn công cụ đơn giản; phối hợp tạo sản phẩm mới, giải quyết nhiệm vụ học tập.	Chọn công cụ và phối hợp cá nhân, tập thể để giải quyết vấn đề quen thuộc, tạo sản phẩm.	Phân biệt công cụ có thể sử dụng; phối hợp giải quyết vấn đề mới, cải thiện quy trình hoặc sản phẩm.
5.4. Xác định các vấn đề cần cải thiện về năng lực số	Nêu việc đã làm, việc cần giúp; biết hỏi giáo viên, cha mẹ hoặc người hỗ trợ.	Nhận ra kỹ năng cần luyện thêm và nơi tìm trợ giúp phù hợp.	Giải thích kỹ năng cần cải thiện; xác định cơ hội, tài liệu hoặc người hỗ trợ học tập.	Thảo luận nhu cầu cải thiện, cách hỗ trợ bạn và cơ hội tự học cập nhật công nghệ.

Miền 6: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Năng lực thành phần	Lớp 1–3 Cơ bản 1	Lớp 4–5 Cơ bản 2	Lớp 6–7 Trung cấp 1	Lớp 8–9 Trung cấp 2
6.1. Hiểu biết về trí tuệ nhân tạo	Làm quen qua ví dụ giáo viên lựa chọn; nhận biết công cụ thông minh có thể hỗ trợ con người.	Nêu khái niệm cơ bản, kể ứng dụng AI đơn giản trong cuộc sống.	Giải thích nguyên tắc hoạt động cơ bản, thuật ngữ và khái niệm AI bằng ví dụ phù hợp.	Vận dụng nguyên tắc AI cơ bản vào vấn đề đơn giản; thực hiện thao tác cơ bản trên công cụ phù hợp tuổi.
6.2. Sử dụng trí tuệ nhân tạo	Nhận diện công cụ AI; thực hiện thao tác cơ bản trong hoạt động do giáo viên kiểm soát, nhận biết quy tắc an toàn.	Dùng AI giải quyết nhiệm vụ đơn giản có kiểm soát; tuân thủ quy định, bảo vệ thông tin cá nhân.	Dùng AI cho bài tập, dự án nhỏ được phép; cân nhắc đạo đức, quyền riêng tư, không coi kết quả AI là bài làm của mình.	Điều chỉnh cách dùng AI để nâng hiệu quả nhiệm vụ, quản lý dự án nhỏ, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ quy định.
6.3. Đánh giá trí tuệ nhân tạo	Nhận biết vật dụng, trò chơi có AI; nhớ rằng thông tin từ máy có thể sai.	Nhận diện yếu tố cơ bản cần xem xét và mô tả chức năng chính của một hệ thống AI.	Giải thích cách hoạt động của hệ thống AI đơn giản; tóm tắt đặc điểm, ứng dụng và kiểm tra kết quả theo hướng dẫn nhiệm vụ.	Phân tích hiệu quả AI giải quyết vấn đề; so sánh kết quả giữa công cụ hoặc lần sử dụng theo tiêu chí cụ thể.

V. Phân công môn học và hoạt động giáo dục

Môn hoặc hoạt động	Nội dung vận dụng và mã năng lực	Nhiệm vụ hoặc minh chứng gợi ý	Trách nhiệm
Tin học	Nền tảng tìm kiếm, dữ liệu, giao tiếp, nội dung, lập trình, an toàn, giải quyết vấn đề; AI theo nội dung phù hợp. Bao quát 1.1–6.3 theo lộ trình.	Thao tác tệp, tìm kiếm, sản phẩm số, chương trình và tình huống an toàn trong bài học hiện có.	GV Tin học chủ trì nội dung nền tảng, tư vấn công cụ; phối hợp tổng hợp minh chứng.
Tiếng Việt và Ngữ văn	Tìm, kiểm chứng, ghi nguồn, tạo nội dung và phản hồi: 1.1, 1.2, 2.2, 2.5, 3.1–3.3.	Tìm tư liệu được chọn lọc; giới thiệu sách, kể chuyện, viết đoạn có nguồn và phản hồi lịch sự.	GV bộ môn chọn nhiệm vụ, theo dõi đóng góp cá nhân.
Toán	Tổ chức dữ liệu, biểu diễn và lựa chọn công cụ: 1.3, 3.1, 5.2, 5.3.	Đọc, tạo bảng hoặc biểu đồ từ dữ liệu đơn giản theo nội dung toán của lớp.	GV Toán bảo đảm trọng tâm kiến thức, lập luận toán học.
TNXH Khoa học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học	Khai thác tư liệu, tạo nội dung, bảo vệ môi trường: 1.1, 1.2, 3.1, 4.4.	Nhận diện hình ảnh, thông tin địa phương, báo cáo quan sát hoặc thông điệp môi trường.	GV tiểu học lựa chọn học liệu phù hợp khả năng đọc, hiểu.
KHTN Lịch sử và Địa lí Công nghệ ở THCS	Kiểm chứng dữ liệu, hợp tác, giải quyết vấn đề: 1.1–1.3, 2.4, 3.1–3.3, 4.4, 5.3.	Báo cáo thí nghiệm, sơ đồ, tư liệu địa phương hoặc sản phẩm giải quyết vấn đề từ nội dung đang học.	GV bộ môn tổ chức và đánh giá nội dung chuyên môn.
Ngoại ngữ	Tìm học liệu phù hợp, tương tác, tạo âm thanh hoặc nội dung: 1.1, 2.1, 3.1, 4.3, 6.2 khi phù hợp.	Luyện nghe, nói với nguồn được chọn; sản phẩm giới thiệu ngắn, có phương án không cần mạng ở nhà.	GV Ngoại ngữ kiểm tra độ phù hợp và khả năng tiếp cận.

V. Phân công môn học và hoạt động giáo dục tiếp

Môn hoặc hoạt động	Nội dung vận dụng và mã năng lực	Nhiệm vụ hoặc minh chứng gợi ý	Trách nhiệm
Đạo đức và GDCD	Công dân số, ứng xử, danh tính, riêng tư, an sinh: 2.3, 2.5, 2.6, 4.2, 4.3; đạo đức AI ở mức phù hợp.	Đóng vai xử lý lời mời lạ, chia sẻ hình ảnh, bắt nạt; nhận diện nơi cần tìm trợ giúp.	GV môn học phối hợp GVCN, Tổng phụ trách Đội.
Nghệ thuật Âm nhạc Mĩ thuật	Sáng tạo, kết hợp nội dung, quyền tác giả: 3.1–3.3, 2.4.	Tranh, âm thanh hoặc sản phẩm đơn giản có ghi nguồn; kết hợp phương tiện thủ công và số.	GV hướng dẫn sáng tạo, bảo đảm quyền sử dụng tài nguyên.
Giáo dục thể chất	Sức khỏe, cân bằng sử dụng thiết bị: 4.3.	Tình huống tư thế, nghỉ mắt, thời gian vận động; học liệu số hỗ trợ khi phù hợp.	GV giữ trọng tâm hoạt động vận động, tránh tăng thời gian màn hình.
Hoạt động trải nghiệm và trải nghiệm hướng nghiệp	Hợp tác, trách nhiệm công dân, an toàn, môi trường, tự đánh giá: 2.3–2.5, 4.1–4.4, 5.3, 5.4.	Thông điệp công dân số; dự án bảo vệ môi trường, giới thiệu địa phương, nhận diện rủi ro số.	GVCN, Tổng phụ trách Đội, GV phụ trách hoạt động.
Nội dung giáo dục địa phương ở THCS	Tìm, đánh giá, chia sẻ tư liệu địa phương: 1.1–1.3, 2.2, 3.1–3.3.	Sản phẩm giới thiệu Tân Phú Đông có kiểm chứng, ghi nguồn, bảo vệ hình ảnh và dữ liệu cá nhân.	GV phụ trách và tổ chuyên môn rà soát nguồn.
Câu lạc bộ và hoạt động tăng cường	Vận dụng theo sở thích, nhu cầu; không thay nhiệm vụ phát triển năng lực số cho tất cả học sinh.	Dự án nhỏ, sản phẩm công nghệ hoặc AI phù hợp; tự nguyện, có thiết bị dùng chung và người hướng dẫn.	BGH xem xét điều kiện; giáo viên phụ trách thực hiện kế hoạch được phê duyệt.

VI. Lộ trình vận dụng theo từng lớp

Lớp và mức	Trọng tâm tổ chức	Nhiệm vụ minh họa trong hoạt động hiện có
1-Cơ bản 1	Làm quen, nhận biết, thao tác từng bước có giám sát; ưu tiên 2.5, 4.1–4.3, 5.1.	Chọn hình đúng về giữ thiết bị, ngồi học; sắp xếp chỉ dẫn bằng thẻ; cùng giáo viên tạo một hình đơn giản.
2-Cơ bản 1	Củng cố thao tác có hướng dẫn, nhận biết thông tin riêng và nguồn; làm quen hợp tác.	Chọn tư liệu do giáo viên cung cấp, nêu nguồn đơn giản, cùng nhóm tạo thiệp; đóng vai từ chối yêu cầu thông tin riêng.
3-Cơ bản 1	Học Tin học theo chương trình; hình thành nền tảng thao tác tệp, tìm kiếm, nội dung và an toàn.	Tìm nội dung bằng từ khóa có hướng dẫn, lưu sản phẩm, mở lại tệp; nêu quy tắc sử dụng thiết bị và Internet.
4-Cơ bản 2	Thực hiện nhiệm vụ đơn giản chủ động hơn; hỏi hỗ trợ khi cần, chú trọng nguồn và hợp tác.	Tìm hình, chữ phù hợp để giới thiệu một chủ đề đang học; ghi nguồn, lưu đúng thư mục và chia sẻ đúng người.
5-Cơ bản 2	Kết hợp kỹ năng cơ bản, tự kiểm tra sản phẩm; sử dụng công cụ và AI đơn giản khi đủ điều kiện.	Sản phẩm học tập nhóm có ghi nguồn; trình bày cách làm, một nguy cơ số và cách phòng tránh.
6-Trung cấp 1	Chuyển sang tự chủ trong nhiệm vụ rõ ràng, quen thuộc; quản lý dữ liệu và kênh học tập.	Tìm, so sánh tư liệu từ nguồn được định hướng; tổ chức thư mục, hoàn thành sản phẩm và phản hồi trên kênh học tập.
7-Trung cấp 1	Củng cố tìm kiếm có quy trình, hợp tác và giải thích lựa chọn; dùng dữ liệu theo chương trình.	Tạo sản phẩm từ dữ liệu học tập; phân vai, ghi nguồn, giải thích công cụ và cách bảo vệ dữ liệu.

Lớp và mức	Trọng tâm tổ chức	Nhiệm vụ minh họa trong hoạt động hiện có
8-Trung cấp 2	Lựa chọn độc lập trong nhiệm vụ rõ ràng nhưng ít quen; kết hợp công cụ, thảo luận tác động.	Lập kế hoạch sản phẩm môn học hoặc dự án nhỏ; chọn công cụ, đối chiếu nguồn, chỉnh sửa theo phản hồi.
9-Trung cấp 2	Vận dụng theo nhu cầu cá nhân, tự đánh giá; kiểm chứng thông tin, sử dụng AI có trách nhiệm.	Hoàn thành nhiệm vụ tổng hợp phù hợp môn học; ghi nhận phần hỗ trợ của AI nếu dùng, kiểm chứng, bảo vệ riêng tư và tự nhận xét.

VII. Bảo đảm cơ hội tiếp cận và an toàn

1. Khảo sát và hỗ trợ đúng nhu cầu

GVCN phối hợp giáo viên Tin học khảo sát thiết bị, kết nối, khả năng thao tác, nhu cầu tiếp cận và điều kiện thực hành của từng lớp; không suy đoán năng lực từ hoàn cảnh gia đình. Thông tin về khó khăn chỉ sử dụng để bố trí hỗ trợ, được quản lý theo phạm vi nhiệm vụ.

BGH bố trí lịch phòng máy, thiết bị dùng chung, ưu tiên học sinh thiếu điều kiện; lồng ghép luân phiên thao tác trong thời gian, hoạt động đã được phê duyệt. Giáo viên phân vai khi học nhóm nhưng bảo đảm mỗi học sinh có cơ hội trực tiếp thực hành. Không lấy sản phẩm do một em thao tác làm minh chứng thay cho cả nhóm.

Học liệu được tải trước hoặc cung cấp bản nhẹ, tài liệu in khi cần. Bài tập tại nhà có phương án không cần mạng; phần kỹ năng thao tác số được bố trí quan sát trực tiếp tại trường. Mô phỏng, giấy và vấn đáp có thể đánh giá hiểu biết, lập kế hoạch; không thay toàn bộ minh chứng thao tác số khi năng lực yêu cầu thực hành.

2. Hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt

Điều chỉnh cỡ chữ, tương phản, âm thanh, thời gian thực hiện và cách hướng dẫn; sử dụng phương tiện trợ giúp hoặc hỗ trợ phù hợp khả năng. Phối hợp gia đình và người phụ trách giáo dục hòa nhập để xác định nhiệm vụ, hình thức minh chứng phù hợp kế hoạch giáo dục cá nhân; không áp dụng máy móc cùng một cách thể hiện cho mọi học sinh.

3. Sử dụng công nghệ và AI có trách nhiệm

Giáo viên lựa chọn nội dung, kênh, công cụ phù hợp tuổi và mục tiêu; hướng dẫn quyền riêng tư, bản quyền, nhận diện thông tin sai, lừa đảo, bắt nạt. Không sử dụng dữ liệu nhạy cảm của học sinh làm dữ liệu thực hành; không công khai danh sách khó khăn, tài khoản, mật khẩu hoặc sản phẩm chứa thông tin riêng.

Lớp 1-3 tiếp cận AI qua ví dụ hoặc tương tác được giáo viên kiểm soát. Các lớp khác chỉ dùng công cụ có điều kiện độ tuổi phù hợp, trong nhiệm vụ được phép; không bắt buộc tự đăng ký tài khoản. Khi không đủ điều kiện sử dụng trực tiếp, giáo viên tổ chức mô phỏng, quan sát, phân tích kết quả và lựa chọn cách trải nghiệm hợp lệ.

AI hỗ trợ học tập; học sinh phải kiểm chứng kết quả, nêu phần đã sử dụng AI và phần tự thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ. Không đưa thông tin riêng lên công cụ không được phép; không dùng AI thay việc rèn kỹ năng cốt lõi của môn học. Hoạt động số phải cân bằng với tương tác trực tiếp, vận động và thời gian nghỉ.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Chỉ đạo thực hiện; phê duyệt nội dung tích hợp trong kế hoạch giáo dục, lịch dùng thiết bị, biện pháp hỗ trợ và phân công.

2. Các Phó Hiệu trưởng

Phụ trách từng cấp học; kiểm tra địa chỉ tích hợp, việc giữ thời lượng và yêu cầu cốt lõi; theo dõi, tổng hợp báo cáo.

3. Tổ chuyên môn

Chọn bài, nhiệm vụ phù hợp; trao đổi chỉ báo và minh chứng; tránh trùng lặp nhiệm vụ, đánh giá hình thức.

4. Giáo viên Tin học

Dạy nội dung nền tảng theo chương trình; tư vấn công cụ, hỗ trợ tích hợp, phối hợp đánh giá và tổng hợp.

5. GV bộ môn và GVCN

Tổ chức nhiệm vụ, quan sát cá nhân, phản hồi; khảo sát điều kiện, phối hợp gia đình và theo dõi hỗ trợ.

6. Tổng phụ trách Đội

Tổ chức hoạt động công dân số phù hợp; Tuyên truyền cho học sinh việc sử dụng công nghệ an toàn, lành mạnh.

7. Cha mẹ học sinh

Phối hợp hướng dẫn sử dụng công nghệ lành mạnh; thông tin nhu cầu hỗ trợ, không làm thay sản phẩm của con.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Khung năng lực số áp dụng cho học sinh Trường TH và THCS Tân Phú Đông. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên triển khai đến toàn bộ học sinh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, liên hệ Ban giám hiệu để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- BGH;
- Tổ chuyên môn;
- GVBM;
- Triển khai cho học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG T. ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN PHÚ ĐÔNG

Đặng Thanh Vui